

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 702/QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2018

KV: a Nam, QVC thực hiện điều 18
- CVTT n/c tổng đề xuất HT hcs có TCVN 4
- K&T&H n/c tổng đề xuất C&D
B&C n/c của CVTT

QUYẾT ĐỊNH

Ty (V6)

Ban hành Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn Nhà nước do Bộ Tài chính làm đại diện chủ sở hữu

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26/7/2017 của Chính Phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 6/10/2015 của Chính Phủ quy định về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 122/2017/NĐ-CP ngày 13/11/2017 của Chính phủ quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số, Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 về hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tài chính doanh nghiệp;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước do Bộ Tài chính làm đại diện chủ sở hữu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ Tài chính, Cục trưởng Cục Tài chính doanh nghiệp, Vụ trưởng Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính, Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc các Tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước do Bộ Tài chính làm đại diện chủ sở hữu chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *thư*

Nơi nhận: *✓*

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo)
- Các DN thuộc Bộ: SCIC, DATC, HOSE, HNX, VSD, Vietlott;
- Người đại diện vốn NN tại TD Bảo Việt;
- Kiểm soát viên tại các DNNN thuộc Bộ;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ;
- Lưu: VT, Cục.TCDN (50b)

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Trần Văn Hiếu
Trần Văn Hiếu

QUY CHẾ

**Giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động
của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước
do Bộ Tài chính làm đại diện chủ sở hữu**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 702/QĐ-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2018 của
Bộ Tài chính)*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về tổ chức thực hiện và trách nhiệm của các đơn vị thuộc Bộ Tài chính trong công tác giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động, xếp loại doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước do Bộ Tài chính làm đại diện chủ sở hữu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Doanh nghiệp nhà nước do Bộ Tài chính được giao làm đại diện chủ sở hữu.
2. Hội đồng thành viên/Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên do Bộ Tài chính bổ nhiệm tại các doanh nghiệp nhà nước do Bộ Tài chính được giao làm đại diện chủ sở hữu.
3. Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Bộ Tài chính làm đại diện chủ sở hữu.
4. Các đơn vị chức năng thuộc Bộ Tài chính được giao nhiệm vụ tại Quy chế này và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả và xếp loại doanh nghiệp.

Chương II
GIÁM SÁT ĐẦU TƯ VỐN NHÀ NƯỚC,
GIÁM SÁT TÀI CHÍNH, ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG
VÀ XẾP LOẠI ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

Mục 1
GIÁM SÁT ĐẦU TƯ VỐN NHÀ NƯỚC VÀO DOANH NGHIỆP

Điều 3. Giám sát đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp

Việc giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Chương 2-Nghị định số 87/2015/NĐ-CP và Chương 2 Thông tư số 200/2015/TT-BTC, trong đó:

1. Doanh nghiệp lập Báo cáo tình hình đầu tư vốn nhà nước đã đầu tư vào doanh nghiệp năm trước theo biểu mẫu quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 4 Thông tư số 200/2015/TT-BTC, gửi về Bộ Tài chính trước ngày 30 tháng 4 hàng năm.

2. Căn cứ báo cáo của doanh nghiệp, Cục Tài chính doanh nghiệp, Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính (sau đây gọi tắt là Vụ Tài chính ngân hàng) lập Báo cáo tình hình đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp năm trước đối với từng doanh nghiệp thuộc phạm vi theo dõi, quản lý theo các nội dung quy định tại Điều 4 Thông tư số 200/2015/TT-BTC, báo cáo Lãnh đạo Bộ Tài chính trước ngày 15 tháng 5 hàng năm.

3. Trên cơ sở báo cáo tình hình đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp đã được Lãnh đạo Bộ phê duyệt, Vụ Tài chính ngân hàng gửi về Cục Tài chính doanh nghiệp trước ngày 25 tháng 5 hàng năm để tổng hợp chung.

4. Cục Tài chính doanh nghiệp tổng hợp, lập Báo cáo giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp năm trước, báo cáo Lãnh đạo Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước ngày 31 tháng 7 hàng năm với vai trò là cơ quan quản lý nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 7 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP.

Mục 2
KẾ HOẠCH GIÁM SÁT TÀI CHÍNH

Điều 4. Kế hoạch tài chính của doanh nghiệp nhà nước

1. Việc lập kế hoạch tài chính hàng năm của doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP, trong đó:

a) Căn cứ kế hoạch tài chính dài hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp lập kế hoạch tài chính năm tiếp theo, gửi Bộ Tài chính trước ngày 31 tháng 7 hàng năm. Kế hoạch tài chính được lập theo Biểu mẫu tại Phụ lục 1A

kèm theo Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP.

b) Cục Tài chính doanh nghiệp, Vụ Tài chính ngân hàng có trách nhiệm rà soát kế hoạch tài chính của doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý, báo cáo Lãnh đạo Bộ Tài chính có ý kiến bằng văn bản trước ngày 20 tháng 3 hàng năm để doanh nghiệp hoàn chỉnh kế hoạch tài chính.

c) Kế hoạch tài chính sau khi hoàn chỉnh là kế hoạch chính thức làm cơ sở để Bộ Tài chính giám sát đánh giá quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Căn cứ đặc thù hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính, doanh nghiệp xác định chỉ tiêu tài chính đặc thù (nếu có) báo cáo Bộ Tài chính cùng với kế hoạch tài chính hàng năm theo quy định tại khoản 1 Điều này để Bộ Tài chính thực hiện giám sát.

Điều 5. Kế hoạch giám sát tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước

Hàng năm, căn cứ vào tình hình thực tế và các nội dung giám sát theo quy định, các đơn vị có trách nhiệm như sau:

1. Vụ Tài chính ngân hàng xây dựng kế hoạch giám sát tài chính theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP đối với các doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý gửi về Cục Tài chính doanh nghiệp trước ngày 15 tháng 12 của năm trước để tổng hợp chung.

2. Cục Tài chính doanh nghiệp xây dựng kế hoạch giám sát tài chính theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP đối với các doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý và tổng hợp chung, báo cáo Lãnh đạo Bộ Tài chính để gửi xin ý kiến các Bộ, ngành liên quan, Thanh tra Chính phủ và Kiểm toán Nhà nước trước ngày 31 tháng 12 của năm trước.

3. Cục Tài chính doanh nghiệp tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan và báo cáo Lãnh đạo Bộ Tài chính ban hành Quyết định phê duyệt kế hoạch giám sát tài chính hàng năm đối với các doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ Tài chính trước ngày 20 tháng 01 và công bố thông tin trước ngày 30 tháng 01 hàng năm theo quy định.

Mục 3

GIÁM SÁT TÀI CHÍNH

Điều 6. Giám sát tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước

1. Báo cáo đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp

a) Các doanh nghiệp có trách nhiệm lập Báo cáo đánh giá tình hình tài chính, trong đó: phân tích, đánh giá thực trạng và hiệu quả hoạt động của doanh

ng nghiệp theo từng nội dung quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 200/2015/TT-BTC và lập biểu báo cáo gồm các Biểu số: 02.A, 02.B, 02.C, 02.D, 02.Đ ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC.

b) Doanh nghiệp gửi Báo cáo đánh giá tình hình tài chính về Bộ Tài chính trước ngày 31 tháng 7 hàng năm đối với báo cáo 6 tháng và trước ngày 30 tháng 4 của năm tiếp theo đối với báo cáo năm.

2. Báo cáo giám sát tài chính đối với doanh nghiệp

Căn cứ Báo cáo đánh giá tình hình tài chính của các doanh nghiệp tại khoản 1 Điều này và các tài liệu có liên quan:

a) Cục Tài chính doanh nghiệp, Vụ Tài chính ngân hàng có trách nhiệm lập Báo cáo giám sát tình hình tài chính đối với từng doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư số 200/2015/TT-BTC, báo cáo Lãnh đạo Bộ Tài chính.

b) Trên cơ sở Báo cáo giám sát tình hình tài chính của từng doanh nghiệp đã được Lãnh đạo Bộ Tài chính phê duyệt, Vụ Tài chính ngân hàng lập Báo cáo kết quả giám sát tài chính theo Biểu số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC, gửi Cục Tài chính doanh nghiệp trước ngày 20 tháng 8 hàng năm đối với báo cáo 6 tháng và trước ngày 20 tháng 5 năm tiếp theo đối với báo cáo năm, đề tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trước ngày 30 tháng 09 của năm báo cáo đối với báo cáo 6 tháng và trước ngày 31 tháng 7 của năm tiếp theo.

Điều 7. Giám sát tài chính đối với công ty con, công ty liên kết

Doanh nghiệp do Bộ Tài chính làm đại diện chủ sở hữu thực hiện giám sát đối với công ty con, công ty liên kết theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 200/2015/TT-BTC.

Điều 8. Giám sát vốn của doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài

1. Việc giám sát vốn của doanh nghiệp nhà nước đầu tư ra nước ngoài thực hiện theo quy định tại Mục 3 Chương 3 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP và Điều 7 Thông tư số 200/2015/TT-BTC.

2. Doanh nghiệp nhà nước lập báo cáo giám sát tình hình tài chính và hiệu quả đầu tư ra nước ngoài, trong đó phân tích, đánh giá theo các nội dung giám sát theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 200/2015/TT-BTC (kèm theo Biểu số 04.A và 04.B ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC) gửi về Bộ Tài chính trước ngày 31 tháng 7 hàng năm đối với báo cáo 6 tháng và trước 30 tháng 4 năm tiếp theo đối với báo cáo năm.

3. Trên cơ sở báo cáo giám sát tài chính định kỳ của doanh nghiệp về các dự án đầu tư tại nước ngoài, Cục Tài chính doanh nghiệp, Vụ Tài chính ngân

hàng báo cáo Lãnh đạo Bộ Tài chính nội dung phân tích tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của các dự án đầu tư ra nước ngoài của các doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý. Trường hợp phát hiện dự án có dấu hiệu rủi ro phải báo cáo Lãnh đạo Bộ Tài chính cảnh báo kịp thời đối với doanh nghiệp, đồng thời phối hợp với các đơn vị liên quan thuộc Bộ Tài chính để thực hiện hình thức giám sát trực tiếp tại doanh nghiệp.

4. Cục Tài chính doanh nghiệp, Vụ Tài chính ngân hàng có trách nhiệm xem xét, báo cáo Lãnh đạo Bộ Tài chính thực hiện các giải pháp cần thiết nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho dự án đầu tư tại nước ngoài, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, xử lý trong trường hợp vượt thẩm quyền theo quy định.

Điều 9. Giám sát tài chính đặc biệt

Việc thực hiện giám sát tài chính đặc biệt đối với doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Mục 4 Chương III Nghị định số 87/2015/NĐ-CP, trong đó:

1. Cục Tài chính doanh nghiệp, Vụ Tài chính ngân hàng căn cứ quy định về các dấu hiệu mất an toàn tài chính tại Điều 24 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP, báo cáo Lãnh đạo Bộ Tài chính xem xét, quyết định đưa doanh nghiệp vào diện giám sát đặc biệt và thực hiện theo trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 25 và Điều 26 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP.

2. Doanh nghiệp thuộc diện phải giám sát đặc biệt thực hiện theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP.

Mục 4

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ VÀ XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP

Điều 10. Giao chỉ tiêu đánh giá hiệu quả và xếp loại doanh nghiệp

1. Doanh nghiệp có trách nhiệm báo cáo Bộ Tài chính trước ngày 30 tháng 3 của năm kế hoạch đối với kế hoạch tài chính hàng năm đã được Hội đồng thành viên/Chủ tịch công ty phê duyệt (sau khi Bộ Tài chính đã có ý kiến bằng văn bản).

2. Căn cứ báo cáo của doanh nghiệp tại khoản 1 Điều này và đặc thù hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, sau khi thảo luận với doanh nghiệp (nếu cần), Cục Tài chính doanh nghiệp, Vụ Tài chính ngân hàng báo cáo Lãnh đạo Bộ Tài chính ban hành Quyết định giao chỉ tiêu đánh giá, xếp loại đối với các doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP và Nghị định số 122/2017/NĐ-CP ngày 13/11/2017 của Chính phủ để làm căn cứ đánh giá, xếp loại trước ngày 30 tháng 4 của năm kế hoạch và không được điều chỉnh trong suốt kỳ thực hiện kế hoạch (trừ các trường hợp bất khả kháng lớn).

Điều 11. Báo cáo đánh giá và xếp loại doanh nghiệp nhà nước

1. Căn cứ chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động quy định tại Điều 12 và Điều 13 Thông tư số 200/2015/TT-BTC và các chỉ tiêu được Bộ Tài chính giao, doanh nghiệp tự đánh giá xếp loại doanh nghiệp, người quản lý doanh nghiệp, lập và gửi Báo cáo đánh giá và xếp loại hàng năm kèm theo Biểu số 05.A, Biểu số 05.B kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC, gửi về Bộ Tài chính trước ngày 31 tháng 5 hàng năm để thẩm định và công bố kết quả xếp loại doanh nghiệp trước ngày 30 tháng 6 hàng năm.

2. Cục Tài chính doanh nghiệp, Vụ Tài chính ngân hàng có trách nhiệm thẩm định, báo cáo Lãnh đạo Bộ Tài chính công bố kết quả xếp loại doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trên cơ sở kết quả xếp loại của doanh nghiệp đã được công bố, Vụ Tài chính ngân hàng tổng hợp kết quả xếp loại doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý gửi về Cục Tài chính doanh nghiệp trước ngày 10 tháng 07 hàng năm để tổng hợp chung, báo cáo Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước ngày 31 tháng 7 hàng năm theo quy định.

Chương III GIÁM SÁT TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP CÓ VỐN NHÀ NƯỚC

Điều 12. Giám sát tài chính đối với doanh nghiệp có vốn Nhà nước trên 50% vốn điều lệ

1. Việc giám sát tài chính đối với doanh nghiệp do Bộ Tài chính nắm giữ trên 50% vốn điều lệ thực hiện theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 200/2015/TT-BTC.

2. Người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp lập Báo cáo giám sát tài chính theo các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 200/2015/TT-BTC và báo cáo Bộ Tài chính trước ngày 10 tháng 7 của năm báo cáo đối với báo cáo 6 tháng và trước ngày 10 tháng 5 của năm tiếp theo đối với báo cáo năm.

3. Căn cứ báo cáo giám sát tài chính của Người đại diện, đơn vị chức năng thuộc Bộ Tài chính được giao quản lý có trách nhiệm lập Báo cáo kết quả giám sát tài chính theo các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư số 200/2015/TT-BTC, báo cáo Lãnh đạo Bộ Tài chính trước ngày 20 tháng 7 hàng năm đối với báo cáo 6 tháng và trước ngày 20 tháng 5 của năm tiếp theo; gửi về Cục Tài chính doanh nghiệp trước ngày 31 tháng 7 hàng năm đối với báo cáo 06 tháng và trước ngày 31 tháng 5 năm tiếp theo đối với báo cáo năm để tổng hợp chung, báo cáo Lãnh đạo Bộ Tài chính để báo cáo Chính phủ trước ngày 30 tháng 9 năm báo cáo đối với báo cáo sáu (06) tháng và trước ngày 31 tháng 7

của năm tiếp theo đối với báo cáo năm theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP.

4. Hội đồng Thành viên SCIC chịu trách nhiệm lập Báo cáo kết quả giám sát tài chính đối với các doanh nghiệp mà nhà nước nắm giữ tỷ lệ trên 50% vốn điều lệ do SCIC tiếp nhận từ các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đến thời điểm báo cáo theo thời hạn quy định.

Điều 13. Giám sát tài chính đối với doanh nghiệp có vốn Nhà nước không quá 50% vốn điều lệ

Việc giám sát tài chính đối với doanh nghiệp do Bộ Tài chính nắm giữ không quá 50% vốn điều lệ thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 200/2015/TT-BTC.

1. Người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp lập Báo cáo giám sát tài chính theo các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 200/2015/TT-BTC và báo cáo Bộ Tài chính trước ngày 30 tháng 4 của năm tiếp theo đối với báo cáo năm.

2. Căn cứ báo cáo giám sát tài chính của Người đại diện, đơn vị thuộc Bộ Tài chính được giao quản lý Người đại diện có trách nhiệm lập Báo cáo kết quả giám sát tài chính (tổng hợp kết quả giám sát tài chính đối với các doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc trách nhiệm quản lý) theo các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư số 200/2015/TT-BTC; gửi về Cục Tài chính doanh nghiệp trước ngày 31 tháng 5 năm tiếp theo đối với báo cáo năm để tổng hợp chung, báo cáo Lãnh đạo Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP.

3. Hội đồng Thành viên SCIC chịu trách nhiệm lập Báo cáo kết quả giám sát tài chính đối với các doanh nghiệp mà nhà nước nắm giữ tỷ lệ không quá 50% vốn điều lệ do SCIC tiếp nhận từ các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đến thời điểm báo cáo theo thời hạn quy định.

Chương IV CÔNG KHAI THÔNG TIN TÀI CHÍNH

Điều 14. Công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước

Doanh nghiệp thực hiện công khai thông tin tài chính theo nội dung quy định tại Mục 2 Chương V Nghị định số 87/2015/NĐ-CP (trước ngày 15 tháng 8 của năm báo cáo đối với báo cáo tài chính 6 tháng và trước ngày 31 tháng 5 của năm tiếp theo đối với Báo cáo tài chính năm); thực hiện công khai thông tin tài chính bất thường theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và quy định tại Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/09/2015 của Chính phủ về công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước.

Điều 15. Công khai thông tin của Bộ Tài chính (cơ quan đại diện chủ sở hữu)

Cục Tài chính doanh nghiệp, Vụ Tài chính ngân hàng phối hợp với Cục Tin học và Thống kê tài chính thực hiện công khai thông tin theo quy định tại Mục 3 Chương V Nghị định số 87/2015/NĐ-CP đối với các doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý theo Biểu mẫu số: 06.A, 06.B, 06.C kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC trước ngày 30 tháng 6 hàng năm.

**Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 16. Trách nhiệm của Cục Tài chính doanh nghiệp

1. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Tài chính thực hiện nhiệm vụ giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động, xếp loại và công bố thông tin tài chính của chủ sở hữu đối với các doanh nghiệp được giao quản lý.

2. Làm đầu mối thực hiện tổng hợp, báo cáo chung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước do Bộ Tài chính làm đại diện chủ sở hữu.

Điều 17. Trách nhiệm của Vụ Tài chính ngân hàng

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Tài chính thực hiện nhiệm vụ giám sát đầu tư vốn vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động, xếp loại và công bố thông tin tài chính của chủ sở hữu đối với các doanh nghiệp được giao quản lý theo quy định tại Quy chế này và các quy định có liên quan.

Điều 18. Trách nhiệm của Cục Tin học và Thống kê tài chính

Thực hiện đăng tải thông tin công bố của chủ sở hữu theo đề nghị của Cục Tài chính doanh nghiệp, Vụ Tài chính ngân hàng.

Điều 19. Trách nhiệm của Hội đồng thành viên/Chủ tịch công ty của doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ Tài chính:

1. Thực hiện giám sát, kiểm tra thường xuyên việc chấp hành pháp luật, việc quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn, thực hiện các kế hoạch đã được phê duyệt theo quy định.

2. Nghiêm túc thực hiện và chỉ đạo các công ty thành viên thực hiện các chế độ báo cáo quy định tại Quy chế này và Quy chế giám sát tài chính đối với công ty con, công ty liên kết do công ty mẹ ban hành.

Điều 20. Trách nhiệm của Kiểm soát viên tại doanh nghiệp nhà nước do Bộ Tài chính bổ nhiệm :

1. Thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ quy định tại Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát/Kiểm soát viên do Bộ Tài chính ban hành và các quy định có liên quan.

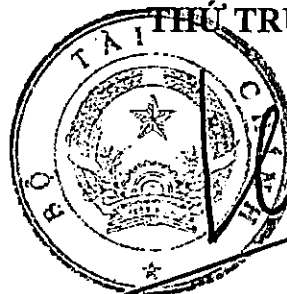
2. Giám sát việc thực hiện chế độ báo cáo của doanh nghiệp theo quy định tại Quy chế này. Kịp thời báo cáo Bộ Tài chính để cảnh báo doanh nghiệp trong trường hợp phát sinh những vấn đề rủi ro trong quá trình hoạt động kinh doanh.

Điều 21. Trách nhiệm của Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Bộ Tài chính làm đại diện chủ sở hữu:

1. Thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, chế độ báo cáo theo quy định tại Quy chế này và các quy định của pháp luật có liên quan;

2. Kịp thời báo cáo Bộ Tài chính trong trường hợp phát hiện doanh nghiệp có các vấn đề gây ảnh hưởng đến tình hình tài chính và vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp. *hieu*

**KT.BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Trần Văn Hiếu